

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**NGÀNH: TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG**  
**MÃ NGÀNH: 8340201**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 529/QĐ-NTT ngày 19 tháng 7 năm 2020  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành)*

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Giới thiệu về chương trình đào tạo**

Tên ngành đào tạo

- + Tên tiếng Anh: Finance and Banking
- + Tên tiếng Việt: Tài chính Ngân hàng

Chuyên ngành (nếu có): không

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Khóa học áp dụng: 24 tháng

Thời gian đào tạo: 18 tháng

Tên văn bằng tốt nghiệp: Master of Banking and Finance

Đơn vị đào tạo:

- + Khoa Tài chính Kế toán
- + Địa chỉ văn phòng: Phòng L.101, Lầu 1, 331 Quốc lộ 1A, Phường An Phú Đông, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh
- + Điện thoại liên lạc: 19002039 (Nội bộ: 412)

**2. Các tiêu chí tuyển sinh và yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo**

Yêu cầu đối với người dự tuyển:

Theo thông tư 15/2014/ TT-BGDĐT ngày 15 tháng 05 năm 2014 Bộ trưởng Bộ Giáo dục về ban hành quy chế đào tạo Thạc sĩ. Người dự tuyển sinh đào tạo Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng phải có các điều kiện sau đây:

**Về văn bằng:**

Những đối tượng tuyển sinh gồm có: Ngành đúng, còn ngành phù hợp và ngành gần phải bổ túc kiến thức là một số môn học trong chương trình đào tạo đại học của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành. Tên môn học cụ thể tương ứng với những khối kiến thức này do Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Khoa Tài chính Kế toán xác định và đề xuất.

**Về thâm niên công tác:**



Tại Việt Nam, theo quy định của Bộ giáo dục và đào tạo về trường hợp người có bằng tốt nghiệp ngành khác đăng ký dự thi vào ngành, chuyên ngành thuộc lĩnh vực quản trị, quản lý thì phải có tối thiểu 2 (hai) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đăng ký dự thi. Do đó, tiêu chuẩn tuyển sinh Thạc sĩ TCNH của NTTU cũng không yêu cầu người dự tuyển về kinh nghiệm công tác thực tế đối với tiêu chí này.

**Các điều kiện khác:**

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.
- Có đủ sức khoẻ để học tập theo thông tư số 15/ 2015/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 15/05/2014 về Quy chế đào tạo thạc sĩ.
- Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của cơ sở đào tạo.

**Danh mục các ngành gần, ngành phù hợp với chuyên ngành**

- Nhóm 1: Ngành đúng, ngành phù hợp có bằng tốt nghiệp đại học ngành: Tài chính Ngân hàng, Tài chính Doanh nghiệp, Tài chính, Ngân hàng.
- Nhóm 2: Ngành gần, có bằng tốt nghiệp đại học ngành: chuyên ngành Kinh tế, chuyên ngành Kinh tế quốc tế, chuyên ngành Kinh tế phát triển, chuyên ngành Quản trị kinh doanh, chuyên ngành marketing, chuyên ngành Kế toán, chuyên ngành kiểm toán, chuyên ngành Luật kinh tế, chuyên ngành kinh doanh thương mại, thương mại điện tử, quản trị nhân lực,
- Nhóm 3: Ngành khác, có bằng tốt nghiệp ngành không thuộc hai nhóm ngành đúng, ngành phù hợp và ngành gần ở trên.

Nhà trường sẽ căn cứ vào các học phần trong bảng điểm của người có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành kinh tế đã nêu trên để đề xuất với nhà trường yêu cầu người học đó bổ sung các môn học cần thiết khác.

**Danh mục các học phần bổ sung kiến thức:**

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC
1	074925	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	02
2	074926	Tài chính tiền tệ	02
3	074927	Tài chính doanh nghiệp	02
4	073960	Kinh tế vi mô	02
5	073959	Kinh tế vĩ mô	02

**3. Các điều kiện bảo vệ luận văn**

- Học viên hoàn thành chương trình đào tạo, có điểm trung bình chung các học phần trong chương trình đào tạo đạt từ 5,5 trở lên (theo thang điểm 10)
- Đạt trình độ ngoại ngữ do thủ trưởng cơ sở đào tạo quy định, tối thiểu TOEIC 450 hoặc tương đương;
- Có đơn xin bảo vệ và cam đoan danh dự về kết quả nghiên cứu trung thực, đồng thời phải có ý kiến xác nhận của người hướng dẫn làm luận văn đạt các yêu cầu theo quy định tại Khoản 2, Điều 26 Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;



- Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật đình chỉ học tập;
- Không bị tố cáo theo quy định của pháp luật về nội dung khoa học trong luận văn.

#### **4. Các điều kiện tốt nghiệp**

Kết thúc khoá học, những học viên có đủ các điều kiện sau thuộc diện xét tốt nghiệp và được công nhận tốt nghiệp:

- Có đủ điều kiện bảo vệ luận văn theo quy định
- Điểm luận văn đạt từ 5,5 trở lên;
- Đã nộp luận văn được hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên, có xác nhận của người hướng dẫn và chủ tịch hội đồng về việc luận văn đã được chỉnh sửa theo kết luận của hội đồng, đóng kèm bản sao kết luận của hội đồng đánh giá luận văn và nhận xét của các phản biện cho cơ sở đào tạo để sử dụng làm tài liệu tham khảo tại thư viện và lưu trữ theo quy định.
- Đã công bố công khai toàn văn luận văn trên website của cơ sở đào tạo theo quy định

#### **5.Thang điểm**

Điểm đánh giá bộ phận, điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần được cho theo thang điểm 10, được làm tròn đến một chữ số thập phân, theo học chế tín chỉ.

Thang điểm học phần được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt:

A (8,5 -10): Giỏi

B (7,0 – 8,4): Khá

C (5,5 – 6,9): Trung bình

D (4,0 -5,4): Trung bình yếu

+ Loại không đạt:

F (dưới 4,0): Kém

## **II. XÁC ĐỊNH NĂNG LỰC CẦN ĐẠT CỦA HỌC VIÊN TỐT NGHIỆP, MỤC TIÊU VÀ KẾT QUẢ HỌC TẬP MONG ĐỢI CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **1. Xác định các năng lực cần đạt của học viên tốt nghiệp (Graduate Attributes - GAs)**

- GA1: Đánh giá chính sách tiền tệ
- GA2: Cải tiến hoạt động huy động vốn và tín dụng
- GA3: Thẩm định tài chính và đầu tư
- GA4: Quản trị tài chính, tài sản, nguồn vốn và hiệu quả hoạt động ngân hàng
- GA5: Tuân thủ quy định
- GA6: Phát triển nghề nghiệp

### **2. Mục tiêu đào tạo của chương trình (Programme Educational Objectives – PEOs)**

- PEO1: Thành công trong việc hoạch định chiến lược, phát triển các tổ chức tài chính, ngân hàng, doanh nghiệp.
- PEO2: Học tập để liên tục mở rộng kiến thức, sáng tạo, đáp ứng sự đổi mới của ngành Tài chính Ngân hàng tại Việt Nam và thế giới.
- PEO3: Quản lý và phát triển các loại hình kinh doanh và dịch vụ của ngành Tài chính Ngân hàng một cách thành công, đáp ứng các yêu cầu của tổ chức, khách



hàng và đối tác trong và ngoài nước bằng tính chuyên nghiệp, trung thực và năng động.

### 3. Kết quả học tập mong đợi /Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Expected Learning Outcomes - ELOs)

#### Kiến thức:

ELO1 (K1): Áp dụng kiến thức Toán, khoa học xã hội, lý luận chính trị, pháp luật, sự hiểu biết về các vấn đề đương đại vào lĩnh vực tài chính ngân hàng.

ELO2 (K2): Đánh giá khả năng tài chính, hiệu quả đầu tư, lợi ích chi phí của các bên liên quan phục vụ cho việc ra quyết định đầu tư.

ELO3 (K3): Phát triển (formulate) các giải pháp tài chính phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu hóa.

#### Kỹ năng:

ELO4 (S1): Giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh và tài chính của doanh nghiệp trên cơ sở vận dụng tư duy phân biện và sáng tạo.

ELO5 (S2): Quản lý hiệu quả các mối quan hệ trong nhóm, trong vai trò là một thành viên hay một nhà lãnh đạo để giải quyết các vấn đề nhằm đạt mục tiêu đề ra.

ELO6 (S3): Phát triển kỹ năng đàm phán, tự chủ và thích ứng với sự thay đổi.

ELO7 (S4): Quản lý thông tin dữ liệu của ngành tài chính ngân hàng bằng công nghệ hiện đại, đáp ứng các yêu cầu của nền kinh tế số và toàn cầu hoá.

ELO8 (S5): Thực hiện độc lập các nghiên cứu thuộc lĩnh vực tài chính ngân hàng, trên cơ sở vận dụng các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành.

#### Thái độ:

ELO9 (A1): Tuân thủ pháp luật và các qui định về tài chính, thể hiện sự hiểu biết về các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội.

ELO10 (A2): Xây dựng thương hiệu bản thân, đồng thời thể hiện sự khát khao khởi nghiệp và ý thức học tập suốt đời.

### III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

#### 1. Nguyên tắc thiết kế chương trình đào tạo (*program ideas*)

- Chương trình đào tạo phải đáp ứng được yêu cầu của các bên liên quan.
- Chương trình đào tạo phải phù hợp với mục tiêu, chiến lược phát triển của Trường.
- Chương trình đào tạo phải phù hợp với xu thế phát triển chung của giáo dục Việt Nam và thế giới.
- Chương trình đào tạo phải được Hội đồng khoa học của Khoa xét duyệt và thông qua.

#### 2. Mối liên hệ của các học phần/môn học trong việc hình thành năng lực của người học sau khi tốt nghiệp

CÁC NĂNG LỰC NGHỀ CHỦ YẾU CỦA SVTN	CÁC MÔN HỌC/ HỌC PHẦN/ MODULE		THỜI LƯỢNG	
	Tên	Số lượng môn	Số tín chỉ	Tỉ lệ (%) / tổng tín chỉ
Đánh giá	Tài chính công nâng cao (3 TC)	3 môn	8 tín	13.3%



<b>chính sách tiền tệ</b>	Lý thuyết Tài chính tiền tệ nâng cao (2 TC)		chỉ	
	Chính sách thuế (3 TC)			
<b>Cải tiến hoạt động huy động vốn và tín dụng</b>	Rủi ro tín dụng và chính sách cho vay (2 TC)	3 môn	8 tín chỉ	13.3%
	Quản trị rủi ro và hiệp ước Basel (3 TC)			
	Ngân hàng thương mại hiện đại (3 TC)			
<b>Thẩm định tài chính và đầu tư</b>	Mô hình tài chính (3 TC)	5 môn	14 tín chỉ	23.3%
	Quản trị và phân tích dự án (3 TC)			
	Đầu tư tài chính (3 TC)			
	Tài chính phái sinh (2TC)			
	Tài chính định lượng (3 TC)			
<b>Quản trị tài chính, tài sản, nguồn vốn và hiệu quả hoạt động ngân hàng</b>	Quản trị tài chính ( 3 TC)	7 môn	19 tín chỉ	31.7%
	Tài chính quốc tế (3 TC)			
	Tài chính vi mô (3 TC)			
	Tài chính hành vi (3 TC)			
	Công nghệ tài chính trong lĩnh vực ngân hàng (3 TC)			
	Ngân hàng kỹ thuật số (3 TC)			
	Kiểm soát và kiểm toán nội bộ (3 TC)			
<b>Tuân thủ quy định</b>	Luật kinh tế (3 TC)	1 môn	3 tín chỉ	5%
<b>Phát triển nghề nghiệp</b>	Luận văn thạc sĩ (12 TC)	1 môn	12 tín chỉ	20%

### 3. Tóm tắt các khối lượng kiến thức

Kiến thức toàn khóa học:

**Trong đó:**

- Kiến thức đại cương : 09 tín chỉ Tỷ lệ: 15%
- Kiến thức chuyên nghiệp : 51 tín chỉ Tỷ lệ: 85%
- + Kiến thức cơ sở ngành : 08 tín chỉ Tỷ lệ: 13.3%
- + Kiến thức chuyên ngành : 13 tín chỉ Tỷ lệ: 21.7%
- + Kiến thức chuyên sâu (tự chọn) : 18 tín chỉ Tỷ lệ: 30%
- + Luận văn : 12 tín chỉ Tỷ lệ: 20%



#### 4. Khung chương trình đào tạo

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TÍN CHỈ	SỐ TIẾT		Môn học trước (a), song hành(c), tiên quyết(b)	Hình thức giảng dạy
				LT	TH		
<b>I</b>	<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG</b>		<b>9</b>	<b>135</b>	<b>0</b>		
1	073318	Triết học (Philosophy)	3	45	0		
2	076219	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học (Research methodology)	3	45	0		
3	076218	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính (English for Finance)	3	45	0		
<b>II</b>	<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP</b>						
<b>II.1</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>						
		<b>Bắt buộc:</b>	<b>8</b>	<b>120</b>	<b>0</b>		
1	076207	Quản trị tài chính (Financial Management)	3	45	0		
2	076206	Lý thuyết Tài chính tiền tệ nâng cao (Advanced Theory of Monetary Finance)	2	30	0		
3	076208	Ngân hàng thương mại hiện đại (Modern commercial banking)	3	45	0		
<b>II.2</b>	<b>Kiến thức chuyên ngành</b>		<b>13</b>	<b>195</b>	<b>0</b>		
1	074080	Đầu tư tài chính (Financial Investment)	3	45	0		



TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TÍN	SỐ TIẾT		Môn học	Hình thức
2	076242	Tài chính phái sinh (Derivatives Finance)	2	30	0		
3	076209	Chính sách thuế (Tax policy)	3	45	0		
4	076202	Tài chính công nâng cao (Advanced public finance)	3	45	0		
5	076210	Rủi ro tín dụng và chính sách cho vay (Credit risk and loan policy)	2	30	0		
<b>II.3</b>	<b>Kiến thức chuyên sâu (Tự chọn 18 tín chỉ)</b>		<b>18</b>	<b>270</b>	<b>0</b>		
1	076211	Tài chính định lượng (Quantitative finance)	3	45	0		
2	074087	Mô hình tài chính (Financial Modeling)	3	45	0		
3	074077	Tài chính quốc tế (International financial)	3	45	0		
4	076213	Tài chính vi mô (Micro Finance)	3	45	0		
5	076215	Tài chính hành vi (Behavioral Finance)	3	45	0		
6	076216	Công nghệ tài chính trong lĩnh vực ngân hàng (Fintech in banking)	3	45	0		
7	076217	Ngân hàng kỹ thuật số (Digital Banking)	3	45	0		
8	076212	Quản trị rủi ro và hiệp ước	3	45	0		



TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TÍN	SỐ TIẾT		Môn học	Hình thức
		Basel (Risk management and Basel Accord)					
9	074090	Quản trị và phân tích dự án (Management and project analysis)	3	45	0		
10	074086	Luật kinh tế (Economic Law)	3	45	0		
11	076214	Kiểm soát và kiểm toán nội bộ (Internal auditing and control)	3	45	0		
<b>III</b>	<b>TỐT NGHIỆP</b>		<b>12</b>	<b>0</b>	<b>360</b>		
1	076220	Luận văn thạc sĩ (Thesis)	12	0	360		

**5. Phân bổ tiến độ giảng dạy các học phần dự kiến:**

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Mã môn học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)
<b>HỌC KỲ 1</b>			<b>17</b>	
1	073318	Triết học (Philosophy)	3	
2	<del>076206</del> 076218	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính (English for Finance)	3	
3	076219	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học (Research methodology)	3	
4	076206	Lý thuyết Tài chính tiền tệ nâng cao	2	



TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Mã môn học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)
		(Advanced Theory of Monetary Finance)		
5	076207	Quản trị tài chính (Financial Management)	3	
6	076208	Ngân hàng thương mại hiện đại (Modern commercial banking)	3	
<b>HỌC KỲ 2</b>			<b>13</b>	
1	074080	Đầu tư tài chính (Financial Investment)	3	
2	076242	Tài chính phái sinh (Derivatives Finance)	2	
3	076209	Chính sách thuế (Tax policy)	3	
4	076202	Tài chính công nâng cao (Advanced public finance)	3	
5	076210	Rủi ro tín dụng và chính sách cho vay (Credit risk and loan policy)	2	
<b>HỌC KỲ 3 (Chọn 6 trong 11 học phần)</b>			<b>18</b>	
1	076211	Tài chính định lượng (Quantitative finance)	3	
2	074087	Mô hình tài chính (Financial Modeling)	3	
3	074090	Quản trị và phân tích dự án (Management and project analysis)	3	



<b>TT</b>	<b>MÃ SỐ</b>	<b>TÊN HỌC PHẦN</b>	<b>Tín chỉ</b>	<b>Mã môn học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)</b>
4	074077	Tài chính quốc tế (International financial)	3	
5	076212	Quản trị rủi ro và hiệp ước Basel (Risk management and Basel Accord)	3	
6	076213	Tài chính vi mô (Micro Finance)	3	
7	074086	Luật kinh tế (Economic Law)	3	
8	076214	Kiểm soát và kiểm toán nội bộ (Internal auditing and control)	3	
9	076215	Tài chính hành vi (Behavioral Finance)	3	
10	076216	Công nghệ tài chính trong lĩnh vực ngân hàng (Fintech in banking)	3	
11	076217	Ngân hàng kỹ thuật số (Digital Banking)	3	
<b>HỌC KỲ 4</b>			<b>12</b>	
1	076220	Luận văn Thạc sỹ (Thesis)	12	



**6. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các môn học/ học phần vào Chuẩn đầu ra trong chương trình đào tạo**

*N (Non support): Không đóng góp cho Chuẩn đầu ra. Đây là những môn học dạy các kiến thức/kỹ năng không liên quan đến Chuẩn đầu ra.*

*S (Support): Có đóng góp cho Chuẩn đầu ra. Đây là những môn dạy kiến thức/kỹ năng làm cơ sở cho việc đạt được Chuẩn đầu ra.*

*H (Highly support): Đóng góp nhiều cho Chuẩn đầu ra. Đây là những môn học dạy kiến thức/kỹ năng thực hành các yêu cầu của Chuẩn đầu ra ở mức cơ bản hay nâng cao.*

TT	Mã môn học	Tên môn học	Tín chỉ	Kết quả học tập mong đợi/Chuẩn đầu ra										Tổng
				ELO <sub>1</sub> (K <sub>1</sub> )	ELO <sub>2</sub> (K <sub>2</sub> )	ELO <sub>3</sub> (K <sub>3</sub> )	ELO <sub>4</sub> (S <sub>1</sub> )	ELO <sub>5</sub> (S <sub>2</sub> )	ELO <sub>6</sub> (S <sub>3</sub> )	ELO <sub>7</sub> (S <sub>4</sub> )	ELO <sub>8</sub> (S <sub>5</sub> )	ELO <sub>9</sub> (A <sub>1</sub> )	ELO <sub>10</sub> (A <sub>2</sub> )	
1	073318	Triết học	3	S	N	N	S	S	N	N	N	H	H	5
2	076219	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	S	S	H	S	S	N	H	S	S	S	9
3	076218	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính	3	H	S	S	S	H	H	N	N	S	H	8
4	076207	Quản trị tài chính	3	S	H	S	S	S	S	H	H	S	S	10
5	076206	Lý thuyết Tài chính tiền tệ nâng cao	2	H	S	H	S	S	N	N	N	S	N	6
6	076208	Ngân hàng thương mại hiện đại	3	S	H	H	S	S	N	N	S	H	S	8
7	074080	Đầu tư tài	3	S	H	S	H	H	H	H	S	H	S	10



		chính												
8	076242	Tài chính phái sinh	2	H	S	N	H	S	N	H	S	N	H	7
9	076209	Chính sách thuế	3	N	S	H	H	H	S	S	H	H	S	9
10	076202	Tài chính công nâng cao	3	N	S	H	S	N	N	N	S	S	N	5
11	076210	Rủi ro tín dụng và chính sách cho vay	2	S	S	S	S	S	S	N	N	S	S	8
12	076211	Tài chính định lượng	3	S	S	H	S	S	N	H	S	S	S	9
13	074087	Mô hình tài chính	3	N	H	H	S	S	N	H	S	S	N	7
14	074077	Tài chính quốc tế	3	N	S	H	S	N	N	N	N	H	H	5
15	076213	Tài chính vi mô	3	H	H	H	H	S	S	H	H	H	S	10
16	076215	Tài chính hành vi	3	N	S	H	S	N	N	N	S	S	N	5
17	076216	Công nghệ tài chính trong lĩnh vực ngân hàng	3	S	S	H	H	S	N	N	N	N	S	6
18	076217	Ngân hàng kỹ thuật số	3	H	H	S	H	H	S	H	H	H	S	10
19	076212	Quản trị rủi ro và hiệp ước	3	S	S	H	S	H	S	S	N	H	H	9

		Basel												
20	074090	Quản trị và phân tích dự án	3	S	N	H	S	H	H	N	N	N	H	6
21	074086	Luật kinh tế	3	S	N	N	S	S	H	N	N	H	S	6
22	076214	Kiểm soát và kiểm toán nội bộ	3	N	S	H	S	H	S	S	N	H	H	8
23	076220	Luận văn Thạc sỹ	12	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	10
<b>Tổng (%)</b>				<b>17</b> <b>(9.66%)</b>	<b>20</b> <b>(11.36%)</b>	<b>20</b> <b>(11.36%)</b>	<b>23</b> <b>(13.07%)</b>	<b>20</b> <b>(11.36%)</b>	<b>12</b> <b>(6.82%)</b>	<b>12</b> <b>(6.82%)</b>	<b>13</b> <b>(7.39%)</b>	<b>20</b> <b>(11.36%)</b>	<b>19</b> <b>(10.80%)</b>	<b>176</b> <b>(100%)</b>

**Ghi chú:**

- Căn cứ vào số lượng CDR của CTĐT mà ký hiệu K, S, A cho phù hợp, tuy nhiên trong đó K<sub>1</sub>, S<sub>1</sub>, S<sub>2</sub>, A<sub>1</sub>, A<sub>2</sub> là các chuẩn đầu ra chung cho các CTĐT và được cố định (Theo Hướng dẫn số 02/HD-ĐT ngày 19/12/2019);

- \* ở hàng ngang: Thể hiện môn học đóng góp cho các Kết quả học tập mong đợi nào, Ví dụ môn A đóng góp cho ELO<sub>2</sub>, ELO<sub>4</sub> và ELO<sub>5</sub> => ghi = 3.

- \* ở hàng dọc: Thể hiện có bao nhiêu môn học và tỷ lệ % của các môn học đó đóng góp cho một Kết quả học tập mong đợi nào, Ví dụ Kết quả học tập mong đợi ELO<sub>4</sub> có 2 đóng góp là: Môn A và Môn C thì ghi = 2 và tỷ lệ % = 2/14\*100 = 14,3%.



## **7. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần**

### **Triết học: 3 tín chỉ**

- Mô tả học phần: trình bày ngắn gọn vai trò, vị trí học phần (đã học ở đại học chưa, đã học gì, ở trình độ thạc sĩ sẽ học gì, vị trí của học phần này trong chương trình đào tạo), kiến thức sẽ trang bị cho học viên, quan hệ với các học phần khác trong chương trình đào tạo.

- Mục tiêu học phần: nêu mục tiêu cần đạt được đối với người học sau khi học học phần đó về mặt lý thuyết, thực hành (cách thức xác định như chuẩn đầu ra).

### **Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính ngân hàng: 3 tín chỉ**

Môn học những đề tài có liên quan đến môi trường làm việc trong các công ty, các thương hiệu, mua bán, giải quyết mâu thuẫn, giao tiếp nơi công sở. Mỗi bài có Case Study giúp sinh viên thảo luận nhóm, những tình huống thực tế trong kinh doanh. Từng đơn vị bài học, sinh viên có thể hiểu và biết được cách viết e-mail, CV, báo cáo, hợp đồng kinh doanh bằng tiếng Anh, cũng như cách phân tích tài chính của một Công ty.

### **Chính sách thuế: 3 tín chỉ**

Môn học Chính sách thuế xem xét, phân tích và đánh giá tác động của chính sách thuế đối với hoạt động chung của nền kinh tế và hoạt động kinh doanh cụ thể tại doanh nghiệp. Ở bậc đào tạo cao học, môn Chính sách thuế nhằm hướng đến việc phát triển chính sách thuế tại một quốc gia với tư cách một công cụ tài chính của chính phủ trong điều chỉnh hoạt động kinh tế - xã hội của đất nước. Môn học Chính sách thuế không chỉ cần thiết cho những người làm chính sách mà cần cho cả những doanh nhân và các nhà quản trị doanh nghiệp.

### **Đầu tư tài chính: 3 tín chỉ**

Môn học Đầu tư tài chính gồm 5 chương cung cấp những kiến thức về các lý thuyết đầu tư hiện đại, định giá và quản trị danh mục đầu tư cổ phiếu, trái phiếu và phân tích thị trường tài chính. Học viên được cung cấp kiến thức và công cụ đo lường đánh giá rủi ro đầu tư và các mô hình xác định tỷ suất sinh lời yêu cầu trên cơ sở đo lường định lượng rủi ro của khoản đầu tư; thực hành tổng hợp các kiến thức quản trị tài chính, nguyên lý thị trường tài chính để định giá cổ phiếu, trái phiếu và quyền chọn; kiến thức về đánh giá hiệu quả của danh mục đầu tư.

### **Kiểm soát và kiểm toán nội bộ: 3 tín chỉ**

Môn học sẽ cung cấp các kiến thức chuyên sâu về hệ thống thông tin kế toán, kiểm soát và kiểm toán nội bộ trong các tổ chức tín dụng, ngân hàng và DN.

### **Luật kinh tế: 3 tín chỉ**

Môn học bao gồm 5 chương trình bày các kiến thức tổng quan về luật kinh tế, đàm phán và ký kết các hợp đồng mua bán hàng hóa, nhận diện rủi ro trong việc ký kết và thực hiện các hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, giải quyết tranh chấp trong hoạt động kinh doanh và rèn luyện cho học viên kỹ năng nghiên cứu, phân tích pháp luật; kỹ năng soạn thảo hợp đồng, các kỹ năng pháp luật liên quan đến quản lý, điều hành công ty và giải quyết tranh chấp kinh doanh phục vụ nhu cầu của doanh nghiệp.

### **Ngân hàng kỹ thuật số: 3 tín chỉ**

Môn học Ngân hàng kỹ thuật số gồm 6 chương cung cấp cho người học các kiến thức chuyên sâu về công nghệ ngân hàng và các ứng dụng của trí tuệ nhân tạo, công nghệ đám mây, blockchain,.. trong hoạt động và đổi mới công nghệ ngân hàng.



Ngoài học phần lý thuyết, môn học cũng được thiết kế với các chủ đề thảo luận phong phú nhằm giúp người học nghiên cứu sâu hơn về lĩnh vực công nghệ ngân hàng, cũng như trang bị cho học viên tư duy logic, khả năng phản biện và năng lực nghiên cứu khoa học, trao dồi khả năng tự học suốt đời

### **Quản trị và phân tích dự án: 3 tín chỉ**

Môn học trang bị các kỹ năng cần có cho một nhà quản lý dự án, cách thức quản lý nguồn lực để quản lý dự án; học viên được cung cấp những phương thức, công cụ hữu hiệu để đối phó với các rủi ro trong quá trình thực hiện dự án.

### **Quản trị rủi ro và hiệp ước Basel: 3 tín chỉ**

Môn học bao gồm 4 chương trình bày các kiến thức về quản trị NHTM, quản trị rủi ro trong kinh doanh ngân hàng, hiệp ước Basel II, ôn tập các kiến thức đã học và 3 chuyên đề nhằm rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng tư duy như phản biện, giải quyết vấn đề và kỹ năng mềm như kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm hiệu quả.

### **Quản trị tài chính: 3 tín chỉ**

Học phần Quản Trị tài chính doanh nghiệp nâng cao bao gồm các vấn đề lý luận liên quan đến hoạt động quản trị tài chính trong doanh nghiệp. Nội dung cơ bản của học phần này là các vấn đề cơ bản của tài chính doanh nghiệp, giá trị tiền tệ theo thời gian, phân tích báo cáo tài chính, hoạch định tài chính, dự toán tài chính; Phân tích và ra quyết định đầu tư dài hạn.... Bên cạnh đó, môn học tích hợp giảng dạy các kỹ năng tư duy như phản biện, giải quyết vấn đề và kỹ năng mềm giao tiếp, làm việc nhóm.

### **Rủi ro tín dụng và chính sách cho vay: 3 tín chỉ**

Môn học bao gồm 5 chương trình bày các kiến thức về rủi ro rủi ro lãi suất và rủi ro tín dụng, chính sách cho vay, phân tích tín dụng, xếp hạng tín dụng, quản trị rủi ro tín dụng và 4 chuyên đề nhằm rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng tư duy như phản biện, giải quyết vấn đề và kỹ năng mềm như kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm hiệu quả.

### **Tài chính công nâng cao: 3 tín chỉ**

Học phần này tập trung nghiên cứu vai trò và quy mô khu vực công, gồm cơ sở lý luận về sự can thiệp của chính phủ vào nền kinh tế (thất bại thị trường và tái phân phối); các công cụ phân tích lý thuyết tài chính công; phân tích chính sách chi tiêu công, gồm các công cụ phân tích ngân sách, hàng hóa công, phân tích lợi ích và chi phí, lựa chọn công. Đồng thời nghiên cứu ngân sách của Nhà nước và cách thức tài trợ thâm hụt ngân sách.

### **Tài chính hành vi: 3 tín chỉ**

Học phần tài chính hành vi sẽ cung cấp cho học viên những kiến thức chuyên sâu về tài chính hành vi trong các quyết định tài chính. Qua đó có thể giải thích các bất thường trên thị trường tài chính, giải thích được ảnh hưởng của sự quá tự tin trong các quyết định tài chính, tài chính hành vi trong quản trị doanh nghiệp.

### **Tài chính phái sinh: 2 tín chỉ**

Học phần này giới thiệu những nội dung cơ bản về tài chính phái sinh, một số sản phẩm tài chính phái sinh cơ bản và thị trường tài chính phái sinh Việt Nam. Học phần nhấn mạnh việc nắm vững các nguyên lý tài chính, áp dụng các lý thuyết và mô hình tài chính vào thực tiễn thông qua các nghiên cứu tình huống phù hợp với bối cảnh Việt Nam.

### **Tài chính quốc tế: 3 tín chỉ**



Môn học Tài chính quốc tế cung cấp các kiến thức về môi trường tài chính quốc tế, tác động của Chính phủ đến tỷ giá; ngang giá lãi suất; mối quan hệ lãi suất - lạm phát - tỷ giá; dự báo tỷ giá; biến động tỷ giá và các biện pháp phòng ngừa; đầu tư trực tiếp nước ngoài; ngân sách vốn công ty đa quốc gia; phân tích rủi ro ở một quốc gia; cấu trúc vốn và chi phí sử dụng vốn của công ty đa quốc gia; tài trợ dài hạn và ngắn hạn ở công ty đa quốc gia; quản trị tiền mặt của công ty đa quốc gia.

### **Tài chính vi mô: 3 tín chỉ**

Môn học TCVM gồm 7 chương cung cấp cho người học các kiến thức chuyên sâu về TCVM như thị trường TCVM, khách hàng mục tiêu của TCVM, các sản phẩm dịch vụ và nhà cung cấp TCVM, các thông lệ tốt nhất về quản trị TCVM, chính sách và phát triển bền vững TCVM,.. Bên cạnh đó, học viên cũng được cung cấp các công cụ đo lường và đánh giá rủi ro, hiệu quả của hoạt động TCVM.

Ngoài học phần lý thuyết, môn học cũng được thiết kế với các chủ đề thảo luận phong phú nhằm tạo điều kiện cho học viên nghiên cứu sâu hơn về lĩnh vực TCVM, cũng như trang bị cho học viên năng lực nghiên cứu khoa học, trao dồi khả năng tự học suốt đời.

### **Lý thuyết Tài chính tiền tệ nâng cao: 3 tín chỉ**

Môn học tập trung trình bày những vấn đề chuyên sâu về lý thuyết Tài chính, chính sách Tiền tệ, và hoạt động ngân hàng, những vấn đề có tính nguyên tắc, những quy luật về tiền tệ, cũng như hoạt động điều hành ngân hàng.

Học viên cũng được trang bị kiến thức về cơ cấu của Ngân hàng trung ương và cách mà Ngân hàng trung ương quản lý cung tiền. Học phần cũng giúp người học nghiên cứu sâu về vấn đề lạm phát.

### **Công nghệ tài chính trong lĩnh vực ngân hàng: 3 tín chỉ**

Học phần khái quát về nền tảng và hiện tượng các nền tảng công nghệ tài chính đứng sau các mô hình kinh doanh. Với sự bùng nổ về công nghệ, học phần sẽ giúp người học hiểu và ứng dụng được các mô hình nền tảng platform, từ đó phát triển, triển khai và quản lý các giải pháp và dịch vụ ngân hàng.

Học phần cung cấp cho học viên một góc nhìn toàn diện về lĩnh vực Công nghệ tài chính – FinTech bằng cách đặt ra bối cảnh và giải thích ý nghĩa thực sự của khái niệm FinTech.

### **Ngân hàng thương mại hiện đại: 3 tín chỉ**

Mô tả học phần: Học phần nhằm cung cấp kiến thức nâng cao về quản trị ngân hàng, giới thiệu chuẩn mực Basel trong quản trị kinh doanh ngân hàng nâng cao. Học phần chú trọng vào các nội dung quản trị tín dụng, tài sản và nợ, thanh khoản và rủi ro hoạt động theo chuẩn mực Basel. Học phần cũng cung cấp việc vận dụng chuẩn mực Basel trong quản trị kinh doanh ngân hàng tại Việt Nam.

### **Mô hình tài chính: 3 tín chỉ**

Nội dung môn học chủ yếu tập trung mô hình hóa ba hoạt động tài chủ yếu của doanh nghiệp: đầu tư, sản xuất kinh doanh và nguồn tài trợ để giải thích sự vận hành của doanh nghiệp theo một cơ chế tài chính hiện tại và xác định giá trị thị trường của tài sản vốn. Các kỹ thuật và công cụ được sử dụng kế thừa từ nền tảng lý thuyết đầu tư, trong đó hai định đề quan trọng là chi phí vốn và đòn bẩy tài chính cần được thiết lập dựa trên sự cân bằng cấu trúc vốn để làm rõ các quan điểm của các bên tham gia góp vốn để hình thành tài sản đầu tư hoặc một kênh đầu tư tài chính, do đó các nội dung thực hiện cần sự trợ giúp của phần mềm EXCEL để phân tích hiệu quả tài sản vốn.



### **Tài chính định lượng: 3 tín chỉ**

Nội dung môn học chủ yếu tập trung sử dụng phương pháp định lượng trong tài chính, suy luận và xác định các mô hình hồi quy tuyến tính trong lĩnh vực tài chính và thị trường tài chính; đặc biệt chú trọng vào lý thuyết kinh tế lượng, kinh tế lượng ứng dụng giải quyết các vấn đề tài chính thông qua việc giải thích các kết quả ước lượng. Nội dung thứ nhất của môn học trình bày tóm lược phương pháp thống kê trong tài chính và giới thiệu lý thuyết mẫu lớn. Nội dung thứ hai tập trung các vấn đề kỹ thuật của phương trình tuyến tính bao gồm mô hình không chuẩn, sai số đo lường và tham số nội sinh. Các chủ đề thường bao gồm các phương trình biến công cụ và dữ liệu bảng. Môn học sẽ sử dụng phần mềm STATA, một phần mềm chuẩn để phân tích thống kê và kinh tế lượng. Phần nội dung sau cùng của môn học trình bày các mô hình định giá tài sản vốn CAPM truyền thống và hiện đại trong lĩnh vực thị trường tài chính và vận dụng trên phần mềm EXCEL, bao gồm các kỹ thuật khảo sát dữ liệu thị trường tài chính, ứng dụng mô hình CAPM trong việc phân tích tỷ suất sinh lời, danh mục đầu tư và rủi ro.

### **Phương pháp luận nghiên cứu khoa học: 3 tín chỉ**

Nội dung môn học chủ yếu tập trung phương pháp nghiên cứu hỗ trợ cho việc viết đề cương chi tiết và luận văn trong lĩnh vực tài chính và ngân hàng, đặc biệt chú trọng vào quy trình thiết kế nghiên cứu cho cấu trúc bài viết nghiên cứu khoa học. Nội dung thứ nhất của môn học trình bày cấu trúc của một bài viết để khái quát hóa các nội dung cần thiết của một nghiên cứu học thuật. Nội dung thứ hai làm rõ một số từ khóa trong cấu trúc nghiên cứu. Nội dung thứ ba giới thiệu cách thức xây dựng một quy trình thiết kế nghiên cứu. Và nội dung cuối cùng vận dụng một số kỹ thuật nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng liên quan để phân tích một số bài tập tình huống và mô hình nghiên cứu mẫu. Ngoài ra, môn học sẽ sử dụng phần mềm SPSS, một phần mềm chuẩn để phân tích thống kê để ước lượng các tham số trong mô hình nghiên cứu định lượng.



#### IV. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐÃ THAM KHẢO

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành TCNH của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT ngành TCNH của Trường ĐH MONASH	CTĐT ngành tài chính của Trường ĐH VICTORIA	CTĐT ngành tài chính của Trường ĐH Kinh tế Tp.HCM	CTĐT ngành TCNH của Trường ĐH Kinh tế Hà Nội	Nhận xét
Tổng số tín chỉ	<b>60 tín chỉ</b>	<b>96 chỉ</b>	<b>192 chỉ</b>	<b>60 chỉ</b>	<b>64 chỉ</b>	
Cấu trúc chương trình: (số lượng môn/tín chỉ)	15 môn/ 60 chỉ	16 môn/ 96 chỉ	13 môn / 192 chỉ	15 môn/ 60 chỉ	18- 20 môn/ 64 chỉ	Tổng số tín chỉ của các trường trong nước luôn ít hơn các trường quốc tế uy tín
- Học phần chung	<b>02 môn / 06 chỉ:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Triết học (Philosophy)</li> <li>• Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính(English for Finance)</li> </ul>	Không	Không	<b>03 môn /10 chỉ</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Triết học</li> <li>• Tiếng Anh</li> <li>• Phương pháp nghiên cứu khoa học</li> </ul>	<b>02 môn / 08 chỉ:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Triết học</li> <li>• Tiếng anh cơ bản</li> </ul>	Các trường trong nước luôn có môn triết học và môn tiếng Anh.
- Học phần cơ sở	<b>Cơ sở ngành và chuyên ngành :</b> <b>16-18 môn / 4 chỉ</b> <b><u>Bắt buộc :09 môn/ 26 chỉ</u></b>	4 môn / 24 chỉ <ul style="list-style-type: none"> <li>• Accounting for business</li> <li>• Financial management theory</li> </ul>	06 môn/ 72 chỉ <ul style="list-style-type: none"> <li>• Accounting for Management</li> <li>• Business Economics</li> <li>• Marketing</li> </ul>	<b>Cơ sở ngành và chuyên ngành :</b> <b>14 môn / 36 chỉ</b> <b><u>Bắt buộc :06 môn/ 18 chỉ</u></b>	<b>Cơ sở ngành và chuyên ngành :</b> <b>16-18 môn / 47 chỉ</b> <b><u>Bắt buộc :09</u></b>	- ngành TCNH trường ĐH Nguyễn Tất Thành đã tập trung

	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Phương pháp luận nghiên cứu khoa học (Research methodology)</li> <li>• Lý thuyết tài chính tiên tiến nâng cao (Advanced</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Economics</li> <li>• Business statistics</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Management</li> <li>• Work and Organisation Systems</li> <li>• Business Finance</li> <li>• Business Research Methods</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Lý thuyết tài chính</li> <li>• Tài chính doanh nghiệp</li> <li>• Tài chính quốc tế</li> <li>• Sản phẩm tài chính phái sinh</li> <li>• Quản trị rủi ro tài chính</li> <li>• Đầu tư tài chính</li> </ul>	<p><b><u>môn/ 26 chỉ</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Tiền tệ ngân hàng và thị trường tài chính : lý thuyết và thực tiễn.</li> <li>• Quản trị NH thương mại nâng cao.</li> <li>• Ngân hàng quốc tế nâng cao.</li> <li>• Tài chính cá nhân.</li> <li>• Phân tích đầu tư và quản trị danh mục đầu tư.</li> <li>• Tài chính doanh nghiệp nâng cao.</li> <li>• Tài chính công nâng cao</li> <li>• Thiết kế nghiên cứu luận văn.</li> <li>• Thực tập thực</li> </ul>	<p>mô hình tài chính ứng dụng trong quản lý (bao gồm các môn : PP NC, Tài chính định lượng và mô hình tài chính, rủi ro tài chính, đầu tư tài chính..v.v) đã từng bước bắt kịp xu thế vận dụng mô hình tài chính trong quản trị rủi ro và quản lý hệ thống của các trường quốc tế có uy tín.</p>
- Học phần chuyên ngành	<p>Theory of Monetary Finance)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Quản trị tài chính (Financial Management)</li> <li>• Đầu tư tài chính (Financial Investment)</li> <li>• Tài chính phái sinh (Derivatives Finance)</li> <li>• Quản trị rủi ro và hiệp ước Basel (Risk management and Basel Accord)</li> <li>• Rủi ro tín dụng và chính sách cho vay (Credit</li> </ul>	<p>8 môn/48 chỉ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Case studies in banking and finance</li> <li>• Institutional asset and liability management</li> <li>• Bank lending</li> <li>• Options, futures and risk management</li> <li>• International banking</li> <li>• Financial institutions and markets</li> <li>• Portfolio management and theory</li> </ul>	<p>7 môn /84 chỉ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Financial Analysis</li> <li>• Credit and Lending Management</li> <li>• Financial Derivative Markets</li> <li>• Treasury Risk Management</li> <li>• International Financial Management</li> <li>• International Portfolio Management</li> <li>• Business Ethics and Sustainability</li> </ul>	<p><b><u>Tự chọn nhóm 1 (chọn 6 trong 9: 6 x 2 = 12 chỉ ):</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Phân tích tài chính</li> <li>• Định giá doanh nghiệp</li> <li>• Tài chính hành vi</li> <li>• Thị trường tài chính quốc tế</li> <li>• Đầu tư và tài trợ bất</li> </ul>		



	<p>risk and loan policy)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Tài chính công nâng cao (Advanced public finance)</li> <li>• Ngân hàng thương mại hiện đại (Modern commercial banking)</li> </ul> <p><b><u>Tự chọn (chọn 6 trong 10: 6 x 3 = 18 chỉ):</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Tài chính định lượng (Quantitative finance)</li> <li>• Mô hình tài chính (Financial Modeling)</li> <li>• Quản trị và phân tích dự án (Management and project analysis)</li> <li>• Tài chính quốc tế (International financial)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Financial modelling</li> </ul>		<p>động sản</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Tài chính công ty đa quốc gia</li> <li>• Mua bán, sáp nhập và thoái vốn</li> <li>• Quản trị danh mục đầu tư</li> <li>• Tài chính định lượng.</li> </ul> <p><b><u>Tự chọn nhóm 2 (chọn 2 trong 4: 2 x 3 = 6 chỉ):</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Điều hành công ty cổ phần đại chúng</li> <li>• Chứng khoán có thu nhập cố định</li> <li>• Công nghệ tài chính</li> <li>• Law and Financial Regulation</li> </ul>	<p>tế</p> <p><b><u>Tự chọn : 7-9 môn/ 21 tín chỉ.</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Quản trị tài chính ngắn hạn.</li> <li>• Phân tích đầu tư bất động sản.</li> <li>• Phân tích tài chính nâng cao.</li> <li>• Quản trị rủi ro trong các tổ chức tài chính.</li> <li>• Tài chính phát triển.</li> <li>• Tài chính doanh nghiệp quốc tế.</li> <li>• Thuế quốc tế.</li> <li>• Giám sát hệ thống tài chính.</li> <li>• Các công cụ</li> </ul>	
--	---	---	--	---	---	--

	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tài chính vi mô (Micro Finance)</li> <li>• Luật kinh tế (Economic Law)</li> <li>• Kiểm soát và kiểm toán nội bộ (Internal auditing and control)</li> <li>• Tài chính hành vi (Behavioral Finance)</li> <li>• Công nghệ tài chính trong lĩnh vực ngân hàng (Fintech in banking)</li> <li>• Ngân hàng kỹ thuật số (Digital Banking)</li> </ul>				<ul style="list-style-type: none"> <li>• Có thu nhập cố định.</li> <li>• Các công cụ phái sinh.</li> <li>• Tài chính sáp nhập và mua lại nâng cao.</li> <li>• Kế toán quản trị nâng cao</li> <li>• Kế toán tài chính nâng cao.</li> <li>• Ngân hàng điện tử.</li> <li>• Dịch vụ ngân hàng ưu tiên.</li> <li>• Quản trị chiến lược nâng cao.</li> <li>• Kinh tế học quản lý</li> </ul>	
- Luận văn	<b>Luận văn : 10 chỉ</b>	Nghiên cứu ứng dụng: tự chọn 4 môn/24 chỉ:  Financial statement analysis and business valuation	36 chỉ: Business Research Proposal (12 chỉ). <b><u>Plan A : 24 chỉ</u></b> - 1 môn Tự chọn (12	<b>Luận văn : 14 chỉ</b>	<b>Luận văn : 15 chỉ</b>	



		<p>Introduction to financial accounting</p> <p>Management accounting</p> <p>Climate change and carbon management strategies</p> <p>Financial planning</p> <p>Credit risk modelling</p> <p>Case studies in risk management</p> <p>Global financial markets</p> <p>Funds management</p> <p>Mergers and acquisitions</p> <p>Introduction to risk management</p> <p>Risk financing and treasury management</p> <p>Treasury and financial markets</p> <p>International study program in banking and finance</p>	<p>chi)</p> <p>- Business Research Project (12 chi)</p> <p><b><u>Plan B : 24 chi</u></b></p> <p>Business Research Thesis (24 chi)</p>			
--	--	--	---	--	--	--

Phương pháp giảng dạy/học tập	Lý thuyết, thực hành, đề án nghiên cứu ứng dụng môn học (project) và khoá luận	Lý thuyết, thực hành, và đề án nghiên cứu ứng dụng (project)	Lý thuyết, thực hành, đề án nghiên cứu ứng dụng (project) và khoá luận	Lý thuyết, thực hành, và khoá luận	Lý thuyết, thực hành, và khoá luận	
Học phí		<i>Khoảng \$45 000/năm (2 năm toàn thời gian hoặc quy đổi)</i>	<i>Khoảng \$44,700 - \$46,080/năm (2 năm toàn thời gian hoặc quy đổi)</i>	<i>Khoảng 60 triệu/ khoá</i>	<i>14-29.4 tr/năm (khóa học 02 năm)</i>	
Các đối sánh khác (nếu có)						

**Ghi chú:** *Đối sánh chương trình đào tạo tối thiểu của 02 trường trong nước và 02 trường quốc tế  
Các trường đối sánh nên phù hợp với các bộ tiêu chuẩn của ngành/khoa mong muốn đánh giá ngoài.*



## V. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

### 1. Hình thức tổ chức giảng dạy

Khoa Tài chính Kế toán tổ chức giảng dạy cho học viên cao học ngành Tài chính Ngân hàng theo phương pháp chủ động, lấy người học làm trung tâm, hết lòng giảng dạy học viên và truyền đạt cho học viên tất cả các kiến thức, kỹ năng, thái độ trong từng học phần.

Giảng viên Khoa Tài chính Kế toán cũng rèn luyện cho học viên cao học có khả năng nghiên cứu, có tinh thần học suốt đời và sáng tạo, học viên tiếp tục rèn luyện khả năng làm việc nhóm, thảo luận và hợp tác lẫn nhau trong học tập và nghiên cứu, nâng cao kỹ năng thuyết trình và thuyết phục người khác và rèn luyện tư duy phản biện.

### 2. Hình thức kiểm tra, đánh giá

Đối với từng học phần, học viên có 3 cột điểm để đánh giá :

+ Điểm thường xuyên (chiếm 20% tổng số điểm của học phần)

Giảng viên có thể cho học viên làm tiểu luận hoặc thuyết trình đề tài theo nhóm hoặc làm bài tập trên lớp (hoặc trên máy đối với học phần thực hành) tùy theo học phần và tùy theo cách đánh giá của giảng viên.

+ Điểm giữa kỳ (chiếm 20% tổng số điểm của học phần)

Giảng viên có thể cho học viên làm bài kiểm tra viết tại lớp (hoặc trên máy đối với học phần thực hành) hoặc thuyết trình đề tài theo nhóm tùy theo từng môn học và tùy theo cách đánh giá của giảng viên.

+ Điểm cuối kỳ (chiếm 60% tổng số điểm của học phần)

Giảng viên cho học viên làm bài thi viết tự luận hoặc trắc nghiệm trên lớp (hoặc trên máy đối với học phần thực hành), hoặc làm một bài tiểu luận cá nhân theo lịch do Khoa và viện Sau đại học quy định

Khóa luận tốt nghiệp

Sau khi hoàn thành các học phần theo tiến độ, học viên sẽ làm Luận văn tốt nghiệp và bảo vệ Luận văn trước Hội đồng do Khoa thành lập.

**K.T. HIỆU TRƯỞNG** *du*

(Ký tên và đóng dấu)



**TS. Trần Ai Lâm**

**TRƯỞNG KHOA**

(Ký tên và ghi rõ họ tên)

**TS. THÁI HỒNG THỤY KHÁNH**